TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN C** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **32**/2021/DS-ST
Ngày: **02/4/2021**
V/v tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Thanh Trí
2. Ông Võ Thành Hưng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nhâm Thị Thanh Trang- Thư ký Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ.

*- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C** tham gia phiên tòa*: Ông Lê Văn Quốc- Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2021, Tòa án nhân dân quận C mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 199/2020/TLST-DS ngày 08/10/2020 về tranh chấp " *Hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2021/QĐXXST-DS ngày 15/3/2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ông **Hồ Quốc T**; sinh năm: 1995. Địa chỉ: Tổ 16, Ấp TT, xã Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. *Có mặt.*

* *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Thanh Đ**; sinh năm: 1981. Địa chỉ: 188F khu vực M, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ. *Vắng mặt.*

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà **Nguyễn Thị Thúy A**. Sinh năm: 1985. Địa chỉ: 188F khu vực M, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ. *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Trong đơn khởi kiện ngày 28/9/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Hồ Quốc T trình bày*:**

Ngày **10/7/2020**, ông Nguyễn Thanh Đ có vay của ông số tiền **104.000.000đ**, không có tính lãi, thỏa thuận đến ngày **10/8/2020** sẽ trả lại tiền vay.

Quá trình thực hiện hợp đồng, đến hẹn thỏa thuận, ông Đ không có trả đồng nào cho ông. Đến ngày 29/9/2020, trả được **1.800.000đ**; còn nợ lại **102.200.000đ**.

Nay ông yêu cầu vợ chồng ông Đ phải trả số tiền còn nợ: **102.200.000đ**, không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Thanh Đ vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Thúy A cho rằng: bà là vợ của ông Nguyễn Thanh Đ. Tuy nhiên, bà và ông Đ đã ly thân. Việc ông Đ vay tiền của ông T, bà không biết, ông Đ không có dùng tiền vay để phục vụ sinh hoạt thiết yếu gia đình nên bà không liên quan và không đồng ý chịu trách nhiệm trả nợ.

Sau khi thực hiện các thủ tục cần thiết, Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Hồ Quốc T cho rằng: tính đến thời điểm hiện nay, ông Đ đã trả được tổng cộng **4.000.000đ**, hiện còn nợ **100.000.000đ**. Nay ông rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông Đ trả số tiền còn nợ **100.000.000đ**, không yêu cầu tính lãi; không yêu cầu bà Thúy A phải cùng chịu trách nhiệm trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- **Về việc tuân theo pháp luật tố tụng** của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp quy định pháp luật.

- **Về việc giải quyết vụ án**:

+ Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vay còn nợ **100.000.000đ**, không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, nguyên đơn cung cấp được bản gốc giấy mượn tiền ngày 10/7/2020, chứng minh bị đơn có vay tiền của nguyên đơn nhưng quá hạn thỏa thuận, bị đơn không thanh toán số tiền vay cho nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vay còn nợ hiện nay: **100.000.000đ** là có cơ sở, đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là ông Đ phải trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ **100.000.000đ**.

+ Đối với việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu bà Thúy A phải cùng chịu trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, không trái pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Đối với việc nguyên đơn giữ bản chính giấy chứng minh nhân dân của bị đơn, đề nghị buộc nguyên đơn phải trả lại cho bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét mối quan hệ pháp luật:* đây là vụ kiện "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản ” được ngành luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả số tiền* vay còn nợ là **100.000.000đ**; *Hội đồng xét xử xét thấy:*

Căn cứ giấy mượn tiền ngày **10/7/2020**, thể hiện ông Nguyễn Thanh Đ có vay của ông Hồ Quốc T số tiền **104.000.000đ**, thỏa thuận đến ngày 10/8/2020 vợ chồng ông Đ sẽ trả đủ. Do quá hạn thỏa thuận của Hợp đồng nhưng bị đơn không trả tiền vay cho nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vay là có cơ sở. Đối với việc nguyên đơn cho rằng tính đến khi xét xử sơ thẩm, bị đơn đã trả được **4.000.000đ**, còn nợ lại **100.000.000đ**; xét thấy, bị đơn là ông Đ mặc dù đã được Tòa án thông báo hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, không đưa ra ý kiến hay tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền đã trả cho nguyên đơn nên căn cứ vào lời thừa nhận của nguyên đơn; Hội đồng xét xử chấp nhận số tiền bị đơn đã trả cho nguyên đơn là **4.000.000đ**; bị đơn còn nợ lại nguyên đơn **100.000.000đ**, cần buộc bị đơn phải trả số tiền còn nợ cho nguyên đơn là có cơ sở.

[3] *Về trách nhiệm trả nợ:*

Xét thấy, tuy giấy mượn tiền ngày 10/7/2020 ông Đ có ghi “hẹn đến ngày 10/8/2020” vợ chồng tôi sẽ trả đủ; tuy nhiên, giấy mượn tiền chỉ có ông Đ ký tên, không có chữ ký của bà Thúy A. Khi ông T cho ông Đ vay tiền, không có bà Thúy A tham gia và ông T cũng không thông báo cho bà Thúy A khi giao dịch và cũng không có chứng cứ thể hiện ông Đ vay tiền phục vụ nhu cầu thiết yếu sinh hoạt của gia đình. Bên cạnh đó, tại phiên tòa, nguyên đơn đã tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà Thúy A phải cùng ông Đ chịu trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và không trái pháp luật nên cần đình chỉ giải quyết đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút.

[4] *Đối với việc nguyên đơn giữ bản chính giấy chứng minh nhân dân của ông Nguyễn Thanh Đ;* Hội đồng xét xử xét thấy:

Giấy chứng minh nhân dân là văn bản thủ tục hành chính chứng nhận về nhân thân, không phải tài sản nên cần buộc nguyên đơn trả lại bản chính giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thanh Đ cho ông Đ.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

Theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Do một phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí: **100.000.000đ** x 5% = **5.000.000đ.**

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 357, khoản 2 Điều 468; Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự.

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Thanh Đ phải trả cho ông Hồ Quốc T số tiền **100.000.000đ** (Một trăm triệu đồng).

Kể từ khi ông Hồ Quốc T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Thanh Đ còn phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Thúy A phải cùng ông Nguyễn Thanh Đ chịu trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn.

3. Buộc ông Hồ Quốc T phải trả lại cho ông Nguyễn Thanh Đ bản chính giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thanh Đ.

4. **Về án phí tranh chấp dân sự sơ thẩm**:

Ông Nguyễn Thanh Đ phải chịu **5.000.000đ** (Năm triệu đồng) tiền án phí.

Ông Hồ Quốc T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp **2.600.000đ** theo biên lai số 006353 ngày 28/9/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ.

5. **Về quyền kháng cáo**:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết đối với bị đơn; các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

6. **Về quyền yêu cầu thi hành án dân sự**:

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND Tp. Cần Thơ.
- VKSND Q. C.
- Chi cục THA Q. C.
- Người TGTT.
- Lưu HS – BA.

Nguyễn Thị Thùy Trang